

QUẢN LÝ XÃ HỘI VỚI VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH

■ TS. TRẦN THỊ XUÂN LAN

Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I

Quản lý xã hội là sự tác động có ý thức, có hệ thống, có tổ chức đến xã hội nhằm chấn chỉnh, hoàn thiện cơ cấu và hoạt động của xã hội. Xét về bản chất, quản lý xã hội là sự sắp xếp, điều chỉnh quan hệ lợi ích giữa các cá nhân, nhóm xã hội và toàn xã hội. Quản lý xã hội nhằm điều tiết những mối quan hệ xã hội quy định địa vị, vai trò con người trong nhóm nhằm định hướng hoạt động của họ. Quản lý xã hội chính là quá trình quản lý các hiện tượng và các hành vi xã hội của con người.

Xã hội học quản lý là một chuyên ngành xã hội học ứng dụng, nghiên cứu những khía cạnh xã hội trong quản lý (bao gồm những vấn đề kinh tế, kỹ thuật, tổ chức, pháp lý, tâm lý của quản lý) và ứng dụng những tri thức và phương pháp của xã hội học vào tăng hiệu quả của quá trình quản lý. Gia đình được coi là hòn đá tảng của xã hội theo nghĩa nó là đơn vị cơ bản của tổ chức xã hội, là một bộ phận không thể thiếu được của xã hội con người, do đó gia đình cũng là một đối tượng mà xã hội học quản lý hướng đến.

Gia đình là một khái niệm phức hợp. Chúng ta có thể gặp rất nhiều định nghĩa về gia đình (của nhà luật học, kinh tế học, xã hội học hay của tổng cục thống kê khi điều tra dân số của nước này so với một nước khác...) và những định nghĩa đó rất khác nhau. Sự khác nhau này tùy thuộc quan điểm tiếp cận, cách nhìn nhận và gắn với yếu tố văn hóa xã hội nhất định. Có thể nói, từ mỗi góc độ nghiên cứu hay mỗi khoa học khi xem xét về gia đình đều có thể đưa ra một định nghĩa về gia

đình cụ thể phù hợp với nội dung nghiên cứu.

Đối với xã hội học, gia đình thuộc về phạm trù cộng đồng xã hội. Vì vậy, có thể xem xét gia đình như một nhóm xã hội nhỏ, đồng thời như một thiết chế xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình xã hội hóa con người.

Theo từ điển Wikipedia, gia đình là một cộng đồng người sống chung và gắn bó với nhau bởi các quan hệ tình cảm, hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và hoặc quan hệ giáo dục.

Gia đình là một thiết chế xã hội đặc thù, một nhóm xã hội nhỏ mà các thành viên của nó gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ con nuôi, bởi tính cộng đồng về sinh hoạt, trách nhiệm đạo đức với nhau nhằm đáp ứng những yêu cầu riêng của mỗi thành viên cũng như để thực hiện tính tất yếu của xã hội về tái sản xuất ra con người.⁽¹⁾

Khi nói gia đình là một nhóm xã hội thì người ta phải nghĩ đến gia đình phải có ít nhất hai thành viên (tức là phải có hai người mới tạo thành một nhóm). Dưới góc độ xã hội học, nói đến gia đình là nói đến sự tồn tại của các thành viên thông qua mối quan hệ gia đình. Gia đình không phải là phép cộng các cá nhân mà bao gồm cả những mối quan hệ giữa những cá nhân với nhau như quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ con cái, quan hệ anh chị em...

Gia đình là một nhóm, nhưng đó là một nhóm xã hội đặc thù bởi gia đình tồn tại trong sự gắn

1 - Đặng Cảnh Khanh và Lê Thị Quý - Gia đình học - Nxb Chính trị - Hành chính, H.2009, tr.91.

bó, ràng buộc và cả sự liên hệ phụ thuộc lẫn nhau thông qua nghĩa vụ, bổn phận và trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình. Do đó, sự liên kết giữa các thành viên trong gia đình thường bền chặt hơn nhiều so với các nhóm xã hội khác. Là một nhóm xã hội đặc thù còn bởi lẽ gia đình bao gồm trong nó các yếu tố sinh học, tâm lý, văn hóa, kinh tế... khiến nó không giống với bất kỳ một nhóm xã hội nào.

Cùng với những bước tiến dài của lịch sử và của nền văn minh nhân loại, gia đình đã trải qua bốn hình thức: gia đình huyết tộc, gia đình Punaluan, gia đình đối ngẫu và gia đình một vợ một chồng.

Xét ở cả hai chiều cạnh, cơ cấu chức năng hay cơ cấu lịch đại của xã hội thì gia đình đều đóng vai trò cực kỳ quan trọng đối với xã hội. Thực tế có thể coi gia đình là "tế bào của xã hội" hay là "xương sống của xã hội" bởi chính gia đình đã đảm nhận những chức năng không thể thiếu trong sự vận động và phát triển của xã hội. Những chức năng cơ bản của gia đình đó là:

- Xã hội hóa, chăm sóc và giáo dục con cái;
- Chức năng kinh tế và tổ chức đời sống gia đình;
- Chức năng sinh sản;
- Chức năng thoả mãn những nhu cầu tâm - sinh lý tình cảm.

Là một nhóm xã hội đặc thù, do đó quản lý gia đình cũng chính là quản lý một hiện tượng, một nhóm xã hội đặc biệt. Quản lý gia đình cần phải được đặt trong tổng thể quản lý của các nhóm và của toàn xã hội (bao gồm các tổ chức, thiết chế xã hội và các đoàn thể, các thiết chế chính trị, kinh tế, giáo dục pháp luật và cả dư luận xã hội). Sự kiểm soát khách quan của xã hội và cộng đồng đối với gia đình chính là phương thức để quản lý việc thực hiện tốt các chức năng của gia đình hướng tới sự ổn định cho mỗi gia đình cũng như toàn xã hội.

Quản lý xã hội đối với chức năng sinh sản

Gia đình là một thiết chế xã hội giúp con người thực hiện được việc duy trì nòi giống một cách chủ động và có tổ chức.

Sau nhiều năm thực hiện mạnh mẽ, sâu rộng công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, Việt Nam

đã kiểm soát được mức sinh và được duy trì ở mức thay thế, do đó số con thực tế và số con mong muốn của các cặp vợ chồng đã giảm xuống. Số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã giảm 2,11 con (2005) đạt mức sinh thay thế và giảm còn 2 con (2010). Tuy nhiên, mức sinh thay thế mới được duy trì qua 5 năm và còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ tăng trở lại do những yếu tố khách quan và chủ quan. Phong tục tập quán của người dân muốn có đông con còn rất nặng nề; đời sống đại đa số bộ phận dân cư đã được cải thiện, việc kiểm soát mức sinh đã có phần lơ lửng là những nguyên nhân dẫn đến việc sinh con Thứ ba, thậm chí là thứ tư đã xuất hiện. Đáng quan tâm là hiện tượng này không chỉ xảy ra ở vùng sâu, vùng xa hay miền núi, hải đảo mà ngay cả ở đồng bằng, đô thị, không chỉ ở nhóm nông dân, công nhân mà còn ở cả nhóm trí thức và gia đình cán bộ.

Một điều đáng quan ngại nữa trong thực hiện chức năng sinh đẻ của gia đình là tình trạng lựa chọn giới tính khi sinh của các cặp vợ chồng. Đạo đức Khổng giáo xem việc không có con để nối dõi tông đường như một tội nặng với tổ tiên và là biểu hiện của sự bất hiếu với cha mẹ vẫn đang còn tác động mạnh lên tập quán sinh đẻ ở các vùng nông thôn. Thờ cúng tổ tiên và sự tiếp nối dòng tộc là một trong những động cơ quan trọng nhất trong việc theo đuổi để có được con trai. Qua Tổng điều tra dân số, điều tra biến động dân số kế hoạch hóa gia đình, tỷ số giới tính khi sinh năm 1999 ở mức 107 bé trai/100 bé gái. Nhưng kể từ năm 2006, với mức tỷ số giới tính khi sinh là 109,8/100 - vấn đề mất cân bằng giới tính khi sinh trở nên "nóng" và thực sự thu hút sự chú ý của các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội. Những năm gần đây tỷ số giới tính khi sinh vẫn tiếp tục tăng cao, nếu như năm 2009 tỷ số giới tính khi sinh là 110,5 thì năm 2012 là 112,3; mỗi năm tăng bình quân khoảng 0,6 điểm.⁽²⁾

2 - http://giadinh.net.vn/2012/12/05/113847666_p1054c1055/mat-can-bang-gioi-tinh-khi-sinh-o-viet-nam-ngay-cang-nong.htm

Một điều đáng quan tâm nữa là, lâu nay công tác dân số kế hoạch hóa gia đình thường tập trung vào những gia đình ở nông thôn, vùng sâu vùng xa và những người phụ nữ có trình độ học vấn thấp. Thế nhưng, báo cáo của Tổng cục dân số kế hoạch hóa gia đình cho biết, năm 2012 tình trạng lựa chọn giới tính khi sinh đang chủ yếu diễn ra ở bộ phận gia đình giàu có và phụ nữ có trình độ học vấn cao. Theo kết quả điều tra, tỷ số giới tính khi sinh tỷ số giới tính khi sinh ở nhóm phụ nữ không biết chữ là 107/100, trong khi nhóm phụ nữ có trình độ cao đẳng trở lên là 114/100. Mối quan hệ giữa tỷ số giới tính khi sinh với thu nhập và mức sống cũng có tình trạng tương tự. Trong khi tỷ số giới tính khi sinh của phụ nữ ở nhóm dân số nghèo đều nằm ở mức bình thường từ 105-106 (lần sinh thứ nhất và thứ hai) và 108 (lần sinh thứ ba), thì ở các nhóm dân số trung bình, khá giả, giàu có, tỷ số này đã ở mức cao ngay từ lần sinh thứ nhất từ 111-112. Và đặc biệt cao ở lần sinh thứ ba trở lên: 116 (kinh tế trung bình), 121 (kinh tế khá giả), 133 (kinh tế giàu có).⁽³⁾ Cũng không có gì khó hiểu với kết quả này. Sở dĩ hiện tượng lựa chọn giới tính trước sinh tập trung vào bộ phận học vấn cao; đặc biệt là phụ nữ có trình độ là do họ biết cách sử dụng các biện pháp tránh thai và chủ động điều chỉnh số con mong muốn. Đồng thời, sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới trong lựa chọn giới tính thai nhi tác động vô cùng mạnh. Cùng với đó, điều kiện kinh tế khá giả đã giúp các cặp vợ chồng có điều kiện tiếp cận nhiều hơn với các dịch vụ can thiệp lựa chọn giới tính khi sinh.

Với tình trạng như hiện nay, chỉ khoảng 15 - 20 năm nữa, Việt Nam sẽ dư thừa khoảng 2,3 - 4,3 triệu nam giới. Không có đủ phụ nữ cho đàn ông lấy làm vợ sẽ dẫn đến việc "nhập khẩu cô dâu" hay các cuộc "chiến tranh giành cô dâu" như Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan. Đi kèm với đó là các tệ nạn xã hội như: bắt cóc và buôn bán

phụ nữ, buôn bán trẻ em gái. Một lượng lớn nam giới sẽ phải trì hoãn việc kết hôn và nhiều người trong số họ không thể kết hôn. Bên cạnh đó là việc gia tăng tuổi kết hôn của phụ nữ (độ tuổi này hiện nay là 22,8) đi liền với những thay đổi về kinh tế - xã hội và các luồng di cư càng trầm trọng hơn. Đây là một hiện tượng rất không bình thường trong lịch sử phát triển dân số gia đình Việt Nam và chắc chắn sẽ để lại những hệ lụy khôn lường.

Quản lý mức sinh đối với các gia đình cần phải được đặt ra một cách nghiêm túc. Các cơ quan, các ngành chức năng cần phải vào cuộc để có các biện pháp giải quyết có những chính sách tuyên truyền phù hợp đối với khu vực thành thị và đặc biệt đối với nhóm phụ nữ sinh nhiều con.

Quản lý xã hội đối với chức năng xã hội hóa, chăm sóc và giáo dục con cái

Gia đình là môi trường đầu tiên và ảnh hưởng mạnh nhất tới quá trình xã hội hóa cá nhân, đến sự hình thành nhân cách của đứa trẻ. Đó là nơi đứa trẻ có những bài học đầu tiên về xã hội, về gia đình. Cha mẹ, ông bà chính là những người thầy đầu tiên, dạy trẻ cả kiến thức lẫn kinh nghiệm ứng xử với thiên nhiên và xã hội, đặc biệt họ là người giáo dục đạo đức và tạo nên nhân cách cho trẻ. Trên phương diện xã hội, quản lý gia đình cần phải biết khơi dậy những nhân tố tích cực trong truyền thống gia đình, những di sản văn hóa gia đình như những kinh nghiệm, nếp sống, tập quán, phong tục, thói quen văn hóa, những định hướng về giá trị chuẩn mực đạo đức tốt đẹp.

Trên thực tế, phần lớn các ông bố, bà mẹ đều mong muốn có thời gian chăm sóc con cái nhiều hơn. Tuy nhiên, như chúng ta đã biết, bước vào nền kinh tế thị trường, gia đình đã gặp phải những áp lực của công việc, của lợi nhuận và cạnh tranh với rất nhiều mối lo toan căng thẳng nên đang đối mặt với một khó khăn lớn trong việc đảm nhiệm chức năng chăm sóc và giáo dục con cái. Họ đang có nguy cơ cạn kiệt thời gian dành cho chăm sóc gia đình. Trong điều kiện của xã hội hiện đại, việc nuôi dưỡng, chăm sóc một đứa trẻ ngày càng trở thành một công việc phức tạp và

3 - <http://baophunuthudo.vn/sites/epaper/PNTD/Detail.aspx?ArtId=15230&CatId=169>

khó khăn, một gánh nặng cả về cường độ lao động lẫn tiêu thụ vật chất. Cuộc sống hiện đại đã biến con cái trong mỗi gia đình, theo cách nói của môn kinh tế học, từ một tài sản thành một khoản nợ. Theo tính toán của các nhà xã hội học, ở Mỹ, việc nuôi một đứa trẻ thành người tốn không dưới 200 nghìn đô la Mỹ.⁽⁴⁾ Không ít các gia đình đang rơi vào tình cảnh éo le: đó là thiếu vắng sự chăm sóc - giáo dục của các bậc cha mẹ đối với con cái. Không chỉ những gia đình khó khăn về kinh tế, bố mẹ suốt ngày bươn chải tìm kế sinh nhai không có thời gian “để mắt” đến con⁽⁵⁾, mà ngay cả những gia đình khá giả, họ cũng mê mải làm ăn và bù đắp “thiệt thòi” cho con bằng những gia sư kèm học tại nhà và những khoản tiền hậu hĩnh để con cái tiêu pha theo ý thích và con cái của họ cũng không có người quản lý. Một kết cục đau lòng không tránh khỏi trong cả hai trường hợp gia đình không có thời gian chăm sóc, dạy dỗ con trẻ là việc trẻ em học kém, chán học dẫn đến bỏ học, bỏ nhà, đi lang thang bụi đời và rơi vào vòng xoáy của tệ nạn xã hội: trộm cắp, cướp giật, cờ bạc, nghiện hút, mại dâm...

Xã hội hiện đại đang tìm cách giải phóng phụ nữ khỏi công việc nội trợ trong gia đình, khuyến khích họ tham gia công tác xã hội và bình đẳng với nam giới trong hoạt động sản xuất thì khoảng trống về chăm sóc gia đình và con cái trở thành vấn đề không chỉ của gia đình mà của cả xã hội.

Có một nghịch lý là, ai cũng biết nhu cầu chăm sóc con cái, các thành viên trong gia đình là một nhu cầu thiết yếu, là một trong những điều kiện của sự phát triển bền vững cho sự phát triển con người và của nền kinh tế, thế nhưng xã hội, thị trường lại đánh giá thấp công việc này - một công việc nặng nhọc, vất vả nhưng không được tính công. Hơn thế nữa, những ai sử dụng nhiều thời gian vào công việc này thì sẽ phải chịu thiệt

thời vì họ không còn thời gian để đầu tư phát triển các công việc được trả công. Định kiến giới, khuôn mẫu giới bao đời này khiến cho phụ nữ khắp nơi trên trái đất vẫn phải đảm nhiệm chủ yếu công việc này, cho dù trên thực tế họ có thể bình đẳng hơn với nam giới so với trước đây về việc làm và thu nhập. Số liệu khảo sát từ đề tài “Biến đổi cơ cấu gia đình và vai trò giới” đã cho biết, trong số 6 công việc nhà là: (1) nấu ăn; (2) giặt giũ; (3) mua thức ăn hàng ngày; (4) dọn dẹp nhà cửa; (5) giúp con cái học hành ở nhà và (6) chăm sóc con cái thì phụ nữ thường xuyên phải đảm nhiệm 4,6 công việc.⁽⁶⁾ Rõ ràng, “vai trò kép” của phụ nữ xuất hiện với bất bình đẳng mới trong gia đình. Một mặt phụ nữ vẫn phải tham gia vào thị trường lao động với vai trò sản xuất tạo thu nhập cho gia đình như nam giới, đồng thời họ vẫn phải gánh vác trách nhiệm việc nhà, nội trợ, chăm sóc các thành viên với tên gọi “thiên chức”. Để giải thoát gánh nặng này, nhiều phụ nữ trong xã hội hiện đại đã chọn lối sống độc thân, không muốn kết hôn, không muốn làm mẹ và không muốn nuôi con. Không vướng bận vào công việc gia đình, vào những công việc không được trả công phụ nữ sẽ có thời gian cống hiến cho chuyên môn và sáng tạo, nhưng đồng thời với việc đó là những hình thức chung sống đồng giới, khác giới xuất hiện.

Trên phương diện quản lý xã hội về gia đình cần phải nhận ra những xu hướng mới xuất hiện trong gia đình hiện đại để tìm ra các giải pháp cho hoạt động chăm sóc gia đình. Có lẽ không thể chỉ hô hào sự chia sẻ việc nhà với các đấng mày râu nữa mà hướng đi chủ yếu, có tính quyết định ở đây là phải tạo điều kiện để rút ngắn và giảm nhẹ lao động nội trợ thay thế dần lao động này bằng những hình thức do xã hội đảm nhận. Dịch vụ xã hội cho hoạt động chăm sóc gia đình cần được quan tâm và được coi là một công việc, một nghề

4 - Đặng Cảnh Khanh và Lê Thị Quý - Gia đình học - Nxb Chính trị - Hành chính, H.2009, tr.91.

5 - Nguyễn Hữu Minh và Mai Văn Hai - Vấn đề cơ bản về gia đình Việt Nam giai đoạn 2011-2020 - Tạp chí Gia đình và Giới, số 2/2012

6 - Vũ Tuấn Huy và Deborah S.Carr, Phân công lao động nội trợ trong gia đình trong cuốn Gia đình trong tâm gương xã hội học, Nxb Khoa học xã hội, H. 2002.

tất yếu trong thị trường lao động. Có như vậy mới biến công việc không được tính công này thành công việc được trả công thực thụ.

Quản lý xã hội với chức năng kinh tế của gia đình

Theo nhiều nhà nghiên cứu, hoạt động kinh tế gia đình đã có ngay từ những gia đoạn đầu tiên của sự phát triển lịch sử gia đình. Khi đó, gia đình vừa là một thể chế kinh tế vừa là một thể chế sinh học dựa trên nền tảng của mối quan hệ huyết thống. Nó là đơn vị cơ bản trong sản xuất và tích trữ của cải vật chất cho con người, là nơi định hướng các hoạt động lao động, phân công trách nhiệm trong lao động và phân chia các sản phẩm trong lao động. Hoạt động kinh tế của một gia đình quyết định hiệu quả đời sống vật chất và tinh thần của gia đình đó.

Chức năng kinh tế của gia đình chỉ thực sự có biến đổi mạnh khi cuộc cách mạng công nghiệp xảy ra cùng với việc xuất hiện những công xưởng và nhà máy. Không một đơn vị kinh tế gia đình nào có thể đáp ứng được sự đòi hỏi tập trung cao độ không chỉ cơ sở vật chất, công nghệ sản xuất, nguồn vốn mà cả nguồn nhân lực. Do đó chức năng kinh tế của gia đình ngày càng bị thu hẹp dần cả về tổ chức lẫn phạm vi ảnh hưởng.

Việt Nam về cơ bản vẫn là một nước nông nghiệp, công nghiệp hóa và đô thị hóa chưa phát triển mạnh, gia đình không còn là một đơn vị kinh tế độc lập tự cấp tự túc như trong xã hội cũ với nền sản xuất nhỏ, song về cơ bản gia đình vẫn là một đơn vị sản xuất, đơn vị kinh tế quan trọng (đơn vị kinh tế hộ). Hay nói cách khác kinh tế hộ gia đình nông dân vẫn là cái gốc của kinh tế nông thôn. Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới từ nền kinh tế kế hoạch tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường đã hơn 25 năm, quá trình đổi mới đã khơi dậy tiềm năng và tính tích cực vốn có của người nông dân. Những chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước đã cởi trói cho những năng lực thực sự của người nông dân giúp cho các hộ gia đình có thể phát triển kinh tế bằng tiềm năng của chính

minh. Đời sống của đại bộ phận các tầng lớp dân cư được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, không phải hộ gia đình nào cũng nắm bắt được thời cơ và hòa nhập vào cơ chế mới. Không ít hộ gia đình không bắt nhịp được với sự đổi mới này nên gặp nhiều khó khăn trong kinh tế, nhất là những hộ gia đình ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Để tháo gỡ những khó khăn cho các hộ gia đình, trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước đã chú ý nhiều đến việc phát triển kinh tế gia đình, coi gia đình như là một đơn vị kinh tế, tăng cường các chính sách và giải pháp nhằm giải phóng tiềm năng kinh tế, lao động của mỗi gia đình. Những chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều địa phương đã hướng vào mục tiêu hỗ trợ cho các gia đình nghèo hướng sản xuất, giúp đỡ vốn và kiến thức làm ăn. Kết quả là nhiều gia đình xóa được đói, giảm được nghèo tạo cơ sở để củng cố và phát triển gia đình một cách bền vững.

Tuy nhiên, để nâng cao mức sống của mỗi gia đình, Nhà nước cần chú ý đến những giải pháp đồng bộ nhằm hỗ trợ, giúp đỡ các gia đình biết tự vận động vươn lên, chủ động thoát nghèo. Cần phải có những chính sách cụ thể hướng vào phát triển kinh tế gia đình, chủ động tạo điều kiện, hỗ trợ và đầu tư mạnh cho sự phát triển kinh tế gia đình.

Trước hết phải có giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình như: tăng cường các nguồn tín dụng với lãi suất ưu đãi, thay đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, cơ cấu ngành nghề tạo việc làm ổn định, mở rộng thị trường, bao tiêu sản phẩm, trên cơ sở đó nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình.

Bên cạnh đó phải có giải pháp lồng ghép chương trình xóa đói giảm nghèo cho các hộ gia đình với các chương trình khác như tạo việc làm, giáo dục đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống tệ nạn xã hội...

Mở rộng mô hình hỗ trợ, giúp đỡ nhau làm kinh tế giữa các gia đình nhằm chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh. ☐